

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THUỶ NGUYÊN
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 16 - 3 - 2022
Về việc Ly hôn và tranh chấp về con
chung khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYÊN, THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Bùi Thúy Mở

Ông Hoàng Đắc Hân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 414/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2021 về việc “Ly hôn và con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 24 tháng 01 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 29/2022/QĐST-HGND, ngày 08 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Xuân Q, sinh năm 1994; Nơi cư trú: Thôn 2, xã G, huyện T, thành phố H; vắng mặt (Có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Phạm Quang T, sinh năm 1994; Nơi cư trú: Thôn 2, xã G, huyện T, thành phố H; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Bùi Thị Xuân Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Quang T kết hôn với nhau trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện T, thành phố H vào năm 2015. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng gia đình anh T tại thôn 2, xã G, huyện T, thành phố H. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình vợ chồng

không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống anh T ham chơi bời, cờ bạc nợ nần, không quan tâm chăm sóc gia đình, chị Q và gia đình đã khuyên bảo Nều lần nhưng anh T không nghe. Do mâu thuẫn vợ chồng nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở vợ chồng không còn quan tâm nhau. Nay chị Q nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn chị đề nghị được Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Quang T.

- Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh T có 02 con chung tên: Phạm Thị Thúy H, sinh ngày 16/02/2015 và Phạm Hoàng Linh N, sinh ngày 14/12/2016. Kể từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay anh T nuôi con lớn tên Thúy H, chị Q nuôi con nhỏ tên Linh N, khi ly hôn nguyện vọng của chị Q là muốn được tiếp tục nuôi con chung như hiện nay và về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung để chị và anh T tự thỏa thuận giao nhận cho nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị và anh Phạm Quang T không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Phạm Quang T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Thống nhất với trình bày của chị Q về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn là do trong quá trình chung sống vợ chồng hiểu lầm nhau nên xảy ra cãi vã nhau nhưng anh T không chấp nhận lời trình bày của chị Q và mong muốn Tòa án không chấp nhận đơn của chị Q và dừng giải quyết yêu cầu xin ly hôn của vợ tôi vì các con tôi còn rất nhỏ. Tại phiên tòa anh T trình bày trong quá trình chung sống anh không đánh đập, chửi bới xúc phạm và cũng không đuổi chị Q đi mà chị Q tự ý bỏ nhà đi, còn việc chị Q trình bày anh chơi bời, cờ bạc nợ nần Nều anh thừa nhận anh có chơi bời, cờ bạc nhưng việc này chị Q cũng đã biết từ lâu theo anh T vấn đề này không phải là mâu thuẫn vợ chồng, nay chị Q quyết tâm xin ly hôn anh không đồng ý ly hôn mong muốn chị Q suy nghĩ lại vì các con vợ chồng về đoàn tụ nhưng nếu chị Q cố tình ly hôn anh T không có ý kiến gì.

- Về con chung: Quá trình chung sống anh và chị Q có 02 con chung tên Phạm Thị Thúy H, sinh ngày 16/02/2015 và Phạm Hoàng Linh N, sinh ngày 14/12/2016. Kể từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay anh T nuôi con lớn tên Thúy H, chị Q nuôi con nhỏ tên Linh N. Nếu chị Q cố tình ly hôn nguyện vọng của anh là để chị Q nuôi cả hai con vì công việc của anh đi làm xa (đi tàu cá) thỉnh thoảng mới có mặt ở nhà nên không có điều kiện để chăm sóc các con đầy đủ, anh T sẽ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung là một xe máy lúc mua trị giá 47.000.000 đồng, hiện nay chị Q đang sử dụng, ngoài ra vợ chồng không còn tài sản chung nào khác khi ly hôn anh đề nghị Tòa án xem xét chia tài sản chung.

Về vay nợ chung: Anh T trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Qua kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án và tham gia phiên tòa sơ thẩm hôm nay. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về Nệm vụ, quyền hạn của Thẩm phán, đã thực hiện đúng và đầy đủ quy định về ra Thông báo thụ lý vụ án, bảo đảm về thời hạn chuẩn bị xét xử, việc lập hồ sơ vụ án, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, việc giao nộp và yêu cầu đương sự giao nộp tài liệu, chứng cứ, xác minh, cấp tổng đạt và tổ chức phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã đảm bảo tuân theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án, đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tại Điều 70, 72 và Điều 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Bùi Thị Xuân Q và đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Bùi Thị Xuân Q được ly hôn anh Phạm Quang T; Về con chung: Giao cả hai con chung tên Phạm Thị Thúy H, sinh ngày 16/02/2015 và Phạm Hoàng Linh N, sinh ngày 14/12/2016 cho chị Bùi Thị Xuân Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai con chung cho đến khi từng con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Phạm Quang T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng kể từ tháng 4/2022 cho đến khi từng con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Bùi Thị Xuân Q (người được thi hành án) đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi thi hành án xong, anh Phạm Quang T (bên thi hành án) chưa thi hành xong khoản tiền phải thi hành thì anh Phạm Quang T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác; Về tài sản chung và vay nợ chung: Chị Q trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bị đơn anh Phạm Quang T trình bày vợ chồng có tài sản chung là 01 xe máy trị giá 47.000.000 đồng, nay ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết, song xét trước thời điểm công khai chứng cứ và hòa giải anh T không yêu cầu chia tài sản, tại phiên tòa anh T yêu cầu. Do vậy để đảm bảo

quyền lợi cho các đương sự đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết yêu cầu chia tài sản trong vụ án này mà sẽ được xem xét giải quyết trong vụ án khác khi có đơn yêu cầu; Về án phí: Các đương sự phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng

Nguyên đơn chị Bùi Thị Xuân Q vắng mặt, song có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Bị đơn là chị Bùi Thị Xuân Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân

Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Bùi Thị Xuân Q và anh Phạm Quang T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện T, thành phố H theo Giấy chứng nhận kết hôn số 07, ngày 18 tháng 3 năm 2015 là hôn nhân hợp pháp. Tài liệu chứng cứ thể hiện: Chị Q và anh T chung sống với nhau hòa thuận hạnh phúc đến nay thì phát sinh mâu thuẫn và căng thẳng, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống gia đình, trong làm ăn kinh tế, anh T đi tàu (làm thuê tàu cá) thỉnh thoảng mới về nhà nhưng ham chơi bời, cờ bạc không quan tâm chăm sóc gia đình chị Q đã khuyên bảo Nều lần nhưng anh T không thay đổi. Do mâu thuẫn nên vợ chồng căng thẳng nên đã sống ly thân nhau và không còn quan tâm nhau. Nay chị Q đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T, bị đơn anh Phạm Quang T thừa nhận anh có chơi bời, cờ bạc việc này chị Q đã biết từ lâu nhưng vì các con anh không đồng ý ly hôn và mong muốn vợ chồng về đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con chung, nếu chị Q quyết tâm ly hôn anh không có ý kiến gì. Hội đồng xét xử nhận thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Q và anh T đã kéo dài, trầm trọng không còn khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Q, cho chị Bùi Thị Xuân Q được ly hôn anh Phạm Quang T.

[3] Về con chung

Chị Q và anh T có 02 con chung tên Phạm Thị Thúy H, sinh ngày 16/02/2015 và Phạm Hoàng Linh N, sinh ngày 14/12/2016, kể từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay anh T nuôi con lớn tên Thúy H, chị Q nuôi con nhỏ tên Linh N, khi ly hôn nguyện vọng của chị Q là muốn được tiếp tục nuôi con chung như hiện nay và về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung để chị và anh T tự thỏa thuận giao nhận cho nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bị đơn anh T đề nghị Tòa án giải quyết để chị Q nuôi cả

hai con anh sẽ có trách Nệm cấp dưỡng nuôi con cùng chị Q mỗi tháng 2.000.000 đồng. Xét hiện nay cả hai con chung đều còn nhỏ, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chưa thành niên, cần thiết phải giao con chung cho một người nuôi dưỡng, chăm sóc, anh T thường xuyên đi làm xa nhà (đi tàu cá) và hai con chung là con gái nên cần có sự chăm sóc, chỉ bảo của mẹ là tốt nhất, mặt khác 02 con chung trên 7 tuổi đều có nguyện vọng được sống cùng mẹ. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định giao cả hai con chung cho chị Q nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi từng con chung trưởng thành đủ 18 tuổi có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Phạm Quang T đồng ý tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng kể từ tháng 4/2022 đến khi từng con chung trưởng thành đủ 18 tuổi có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và vay nợ chung

Chị Q trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bị đơn anh Phạm Quang T trình bày vợ chồng có tài sản chung là 01 xe máy trị giá 47.000.000 đồng, nay ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết, song xét trước thời điểm công khai chứng cứ và hòa giải anh T không yêu cầu chia tài sản, tại phiên tòa anh T yêu cầu. Do vậy để đảm bảo quyền lợi cho các đương sự đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết yêu cầu chia tài sản trong vụ án này mà sẽ được xem xét giải quyết trong vụ án khác khi có đơn yêu cầu.

[5] Về án phí

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Chị Bùi Thị Xuân Q phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Bùi Thị Xuân Q được ly hôn anh Phạm Quang T.

2. Về con chung: Giao cả hai con chung tên Phạm Thị Thúy H, sinh ngày 16/02/2015 và Phạm Hoàng Linh N, sinh ngày 14/12/2016, cho chị Bùi Thị Xuân Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi từng con chung trưởng thành đủ 18 tuổi có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Phạm Quang T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng kể từ tháng 4/2022 cho đến khi từng con chung trưởng thành đủ 18 tuổi có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị Bùi Thị Xuân Q (người được thi hành án) đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi thi hành án xong, anh Phạm Quang T (bên thi hành án) chưa thi hành xong khoản tiền phải thi hành thì anh Phạm Quang T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về tài sản chung và vay nợ chung: Không xem xét giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của anh Phạm Quang T trong vụ án này mà sẽ được xem xét giải quyết trong vụ án khác khi anh Phạm Quang T có đơn yêu cầu.

5. Về án phí: Chị Bùi Thị Xuân Q phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007624, ngày 05 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T thành phố H. Anh Phạm Quang T phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung sơ thẩm.

Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP H;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- UBND xã G, huyện T;
- Lưu: VT; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Mến

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Đông Doãn Văn Sáng

Lê Thị Sự

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP H;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- UBND xã Minh Tân, huyện T, thành phố H;
- Lưu: VT; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Sự

